

PHÂN KIỂU CÁC XÃ NÔNG THÔN THỪA THIÊN HUẾ VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

Bùi Thị Thu*, Đỗ Thị Việt Hương, Hoàng Đức Nhật Anh

Khoa Địa lý - Địa chất, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Email: lapthuhue@gmail.com

Ngày nhận bài: 02/10/2017; ngày hoàn thành phản biện: 8/10/2017; ngày duyệt đăng: 8/01/2018

TÓM TẮT

Các xã nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế có trình độ phát triển không đồng đều do việc đầu tư, xây dựng nông thôn còn dàn trải và chưa phát huy thế mạnh của từng địa phương. Vì vậy, bài báo này tiếp cận kỹ thuật phân kiểu dựa trên phép phân tích nhân tố và phân tích cụm (phương pháp Ward) theo 26 chỉ tiêu liên quan đến các đặc điểm kinh tế - xã hội gắn liền với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Kết quả tính toán đã phân 105 xã thuộc Thừa Thiên Huế thành 5 nhóm với những đặc trưng riêng. Đây là cơ sở cho việc xuất giải pháp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng nhóm xã.

Từ khóa: phân kiểu, phân tích nhân tố, phân tích cụm, nông thôn, Thừa Thiên Huế.

1. MỞ ĐẦU

Khu vực nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế có 105 xã nằm trong chương trình xây dựng nông thôn mới [1] nhằm thúc đẩy phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH - HĐH). Trong số đó, có 30 xã thuộc hai huyện Nam Đông và A Lưới, nơi địa hình bị chia cắt mạnh và độ dốc lớn. Ngoài ra, việc đầu tư, xây dựng nông thôn ở tỉnh còn dàn trải, thiếu đồng bộ, chưa phát huy điểm mạnh của từng địa phương về điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội (KT - XH) nên sự phát triển ở các xã miền núi chưa bắt kịp với các xã vùng đồng bằng.

Ngày nay, kỹ thuật phân kiểu (Typology) được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu như: Địa lý, quản lý tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp, y tế... Việc phân kiểu này có ý nghĩa lớn khi xem xét sự phân hóa đặc điểm KT - XH theo không gian [3, 4, 5]. Bài báo này tiếp cận kỹ thuật phân kiểu KT - XH các xã nông thôn theo các chỉ tiêu phản ánh sự CNH - HĐH. Kết quả của phân kiểu sẽ cung cấp cơ sở

Phân kiểu các xã nông thôn Thừa Thiên Huế và giải pháp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ...

khoa học để đề xuất giải pháp phù hợp với đặc trưng của từng nhóm xã nhằm thúc đẩy quá trình phát triển KT - XH ở khu vực nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng các dữ liệu thứ cấp, bao gồm: Các tài liệu, báo cáo về tình hình phát triển KT - XH; kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015; kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Những số liệu, tài liệu, bản đồ sử dụng trong nghiên cứu và phân tích được thu thập qua các cơ quan như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Phòng Nông nghiệp của các huyện và phòng, ban ngành có liên quan ở tỉnh Thừa Thiên Huế và mạng Internet.

Các số liệu thống kê được xử lý sơ bộ, lựa chọn và nhập vào phần mềm Microsoft Excel theo các chỉ tiêu (biến) phản ánh quá trình CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn, để từ đó mã hóa thành các biến phục vụ cho công tác xử lý thống kê tiếp theo.

- Phương pháp phân kiểu với phân tích đa tiêu chí: Trong phân kiểu, mô hình phân tích đa tiêu chí với phép phân tích nhân tố (Factor Analysis) và phân tích cụm (Cluster Analysis) được sử dụng nhằm mục đích phân chia các xã có những đặc điểm tương đồng về các đặc điểm địa lý KT - XH và môi trường vào các nhóm, các lớp nhất định thông qua nhiều chỉ tiêu có liên quan.

Quy trình được thực hiện theo các bước: (1) Lựa chọn chỉ tiêu và đơn vị phân loại; (2) Phân tích nhân tố; (3) Phân cụm các xã ở khu vực nông thôn và (4) Phân tích đặc điểm KT - XH các nhóm xã nông thôn dựa vào các biến phân cụm.

Phần mềm được sử dụng trong phân tích đa tiêu chí là SPSS. Dựa trên kết quả phân kiểu, các giải pháp thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn được đề xuất phù hợp với đặc thù của từng nhóm xã ở khu vực nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lựa chọn chỉ tiêu và đơn vị phân loại

Với mục đích nhóm các biến định lượng phản ánh các khía cạnh quan trọng của sự phát triển KT - XH của các địa phương, các chỉ tiêu lựa chọn phải có đầy đủ ở 105 xã và các chỉ tiêu đó phải có ý nghĩa cho việc phân kiểu. Thực trạng phát triển KT - XH theo hướng CNH - HĐH ở cấp xã với 26 chỉ tiêu được lựa chọn để phân kiểu được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Các chỉ tiêu lựa chọn phân tích nhân tố

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Biến	Đơn vị
Hạ tầng kinh tế - xã hội				
1	Giao thông	Tỷ lệ đường liên thôn được nhựa/bê tông hóa	GT	%
2	Thủy lợi	Tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa	TL1	%
3		Số trạm bơm nước phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn xã	TL2	Cái
4	Điện	Tỷ lệ thôn có điện	ĐQG	%
5	Trường học	Có trường mẫu giáo/mầm non được xây dựng	TH1	1. Bán kiên cố; 2. Kiên cố
6		Có trường tiểu học được xây dựng	TH2	1. Bán kiên cố; 2. Kiên cố
7	Cơ sở thương mại	Số chợ trên địa bàn xã	CSTM	Số chợ
8	Cơ sở vật chất văn hóa	Xã có nhà văn hóa xã	CSVC1	Có: 1; Không: 2
9		Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa/ nhà sinh hoạt cộng đồng	CSVC2	%
10	Thông tin và truyền thông	Xã có điểm bưu điện văn hóa xã	TTTT1	Có: 1; Không: 2
11		Xã có điểm bưu điện văn hóa có nối mạng internet	TTTT2	Có: 1; Không: 2
12		Số điểm kinh doanh dịch vụ Internet tư nhân trên địa bàn xã	TTTT3	Điểm
13		Xã có hệ thống loa truyền thanh đến thôn (ấp, bản)	TTTT4	Có: 1; Không: 2
Kinh tế và tổ chức sản xuất				
14	Hoạt động sản xuất	Tỷ lệ hộ/ cơ sở chuyên chế biến nông sản	HĐSX1	%
15		Tỷ lệ hộ/ cơ sở chuyên chế biến lâm sản	HĐSX2	%
16	Kinh tế	Tỷ lệ hộ nghèo	TLHN	%
17		Tỷ lệ hộ cận nghèo	TLHCN	%
Văn hóa - xã hội - môi trường				
18	Y tế	Xã có trạm y tế được xây dựng kiên cố	YT1	Có: 1; Không: 2
19		Số bác sĩ/1.000 dân	YT2	Tỷ lệ
20	Văn hóa	Tỷ lệ thôn (ấp, bản) được công nhận "làng văn hóa"	VH	%
21	Môi trường	Xã có xây hệ thống thoát nước thải chung	MT1	Có: 1; Không: 2

TT	Tiêu chí	Chi tiêu	Biến	Đơn vị
21		Tỷ lệ thôn (ấp, bản) có hệ thống thoát nước thải chung	MT2	%
23		Xã có tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải	MT3	Có: 1; Không: 2
Hệ thống chính trị				
24		Tỷ lệ cán bộ chủ chốt xã có trình độ đại học trở lên	CBCC1	%
25	Cán bộ chủ chốt xã	Tỷ lệ cán bộ chủ chốt xã đã qua bồi dưỡng quản lý nhà nước	CBCC2	%
26		Tỷ lệ cán bộ chủ chốt xã có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên	CBCC3	%

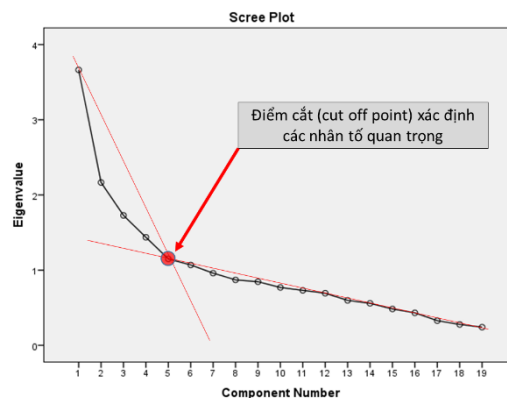
3.2. Phân tích nhân tố

Kết quả tiền phân tích nhân tố của 26 biến đầu vào từ số liệu thống kê [2] đã loại ra được 7 biến ít có ý nghĩa trong thống kê là ĐQG, TH1, TH2, TL1, YT1, CBCC2, CBCC3 do không có sự phân hóa về giá trị của biến hoặc không thỏa mãn điều kiện về giá trị trên đường chéo của bảng ma trận nghịch đảo. Vì vậy, có 19 biến có ý nghĩa thống kê đã đưa vào phân tích nhân tố chính thức. Kết quả đã rút ra 4 nhân tố có ý nghĩa với giá trị Eigenvalue > 1 (hình 1) bao gồm các biến có hệ số tải nhân tố có giá trị tương quan tương đối lớn (bảng 2). Trong đó, các giá trị kiểm định KMO = 0,694 và kiểm định Barlett với Sig = 0.000 đều nằm trong ngưỡng cho phép ($0.5 \leq KMO \leq 1$; Sig < 0.05) phù hợp cho phép phân tích nhân tố.

Bảng 2. Kết quả chiết xuất nhân tố

Phát triển KT-XH theo hướng CNH-HĐH	Hệ số tải nhân tố
Nhân tố 1: Chất lượng cuộc sống	
MT3	0.809
YT2	0.680
CSTM	-0.662
HĐSX3	0.638
Nhân tố 2: Cơ sở hạ tầng môi trường	
MT1	0.845
MT2	-0.788
TTTT4	0.619
Nhân tố 3: Thông tin và truyền thông	
TTTT1	0.785
TTTT2	0.729
Nhân tố 4: Kinh tế và văn hóa	
VH	-0.792
HĐSX1	0.750

Phương pháp Principal Component Analysis.
Varimax with Kaiser Normalization.



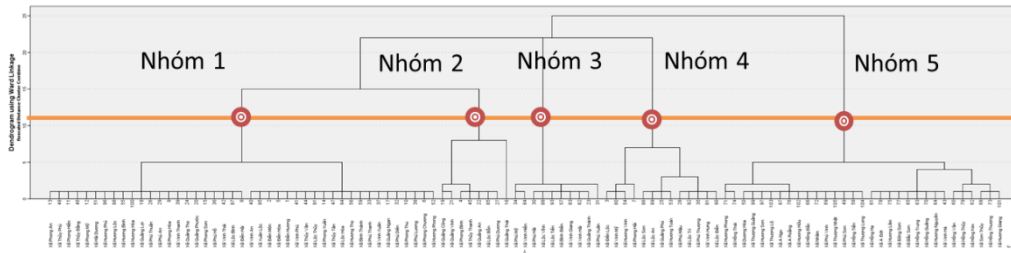
Hình 1. Đồ thị Scree Plot xác định nhân tố ý nghĩa

Kết quả chiết xuất nhân tố ở bảng 2 thể hiện được các biến có hệ số tải nhân tố cao trong từng nhân tố (nhân tố 1, 2, 3, 4). Đây là các biến rất có ý nghĩa trong phân tích cụm.

3.3. Phân tích cụm

Từ phép phân tích nhân tố đã tạo ra các biến mới (Factor Score) đưa vào phân tích cụm theo phương pháp phân cụm thứ bậc (Hierarchical Cluster) với thủ tục Ward.

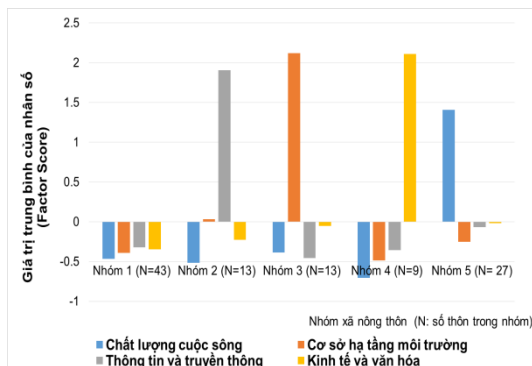
Kết quả phân tích cụm đã xác định được đặc điểm khác biệt giữa 5 nhóm xã nông thôn ở khu vực nghiên cứu dựa vào giá trị khoảng cách tích tụ (Rescaled distance cluster combine) trên biểu đồ Dendrogram (hình 2).



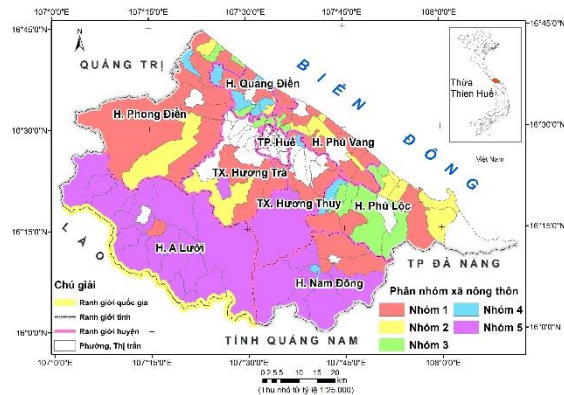
Hình 2. Kết quả xác định 5 cụm (nhóm xã) dựa vào biểu đồ Dendrogram

3.4. Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Từ kết quả phân tích nhân tố và phân cụm, có thể thấy được sự phân hóa 105 xã nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế thành 5 nhóm 1 cách trực quan qua hình 3 và 4 với các đặc điểm cụ thể:



Hình 3. Phân nhóm các xã nông thôn dựa vào đặc trưng trung bình các nhân tố



Hình 4. Bản đồ phân bố các nhóm xã nông thôn theo thực trạng phát triển KT - XH

- **Nhóm 1 gồm 43 xã:** Sơn Thủy (A Lưới); Bình Thành, Hải Dương, Hương Thọ, Hương Phong, Hương Bình (Hương Trà); Điền Hòa, Điền Hương, Điền Hải, Phong Thu, Phong Chương, Phong Hòa, Phong Hiền, Phong Mỹ, Phong An, Phong Sơn (Phong Điền); Phú Sơn, Thủy Vân, Thủy Bằng, Thủy Tân, Thủy Phù (Hương Thủy); Hương Hòa, Hương Lộc, Hương Phú (Nam Đông); Lộc Hòa, Lộc Thủy, Lộc Bình, Xuân Lộc (Phú Lộc); Quảng Ngạn, Quảng Lợi, Quảng Phước (Quảng Điền); Vinh Hà, Vinh An, Phú Lương, Vinh Thanh, Phú Thuận, Phú Diên, Phú Dương, Vinh Xuân, Phú Thanh, Vinh Thái, Phú An, Phú Hồ (Phú Vang).

+ **Chất lượng cuộc sống:** Có 9/43 xã không có chợ. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình của Thừa Thiên Huế theo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 là 10% thì ở nhóm này có 15/43 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn giá trị trung bình của

Phân kiểu các xã nông thôn thừa thiên huế và giải pháp thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội ...

Tỉnh. Số bác sĩ/1.000 dân thấp và có sự chênh lệch lớn giữa các xã như Điền Hương (0,00), Thủy Phù (0,09) Phú Dương (0,10), Phong Sơn (0,13), Phong Hòa (0,16), Quảng Phước (0,17), Quảng Lợi (0,19)... và cao nhất là Sơn Thủy (0,79). Hầu hết các xã đều có tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải ngoại trừ xã Phú Sơn (Hương Thủy).

+ *Cơ sở hạ tầng môi trường*: Tất cả các xã đều có hệ thống loa truyền thanh đến thôn (ấp, bản) nhưng ở tất cả các xã và thôn đều không có hệ thống thoát nước thải chung.

+ *Thông tin và truyền thông*: Hầu hết các xã đều có điểm bưu điện văn hóa vẫn còn 18/43 điểm bưu điện văn hóa xã chưa nối mạng Internet.

+ *Kinh tế và văn hóa*: 38/43 xã có 100% thôn (ấp, bản) được công nhận “làng văn hóa”. Tỷ lệ hộ/ cơ sở chuyên chế biến nông sản dao động từ 0,0 đến 2,3%, trong đó các xã không có cơ sở chế biến nông sản là: Quảng Ngạn, Phú Thuận, Hương Phú, Hương Lộc và Hương Hòa.

- **Nhóm 2 gồm 13 xã**: Xã Điền Môn, Phong Xuân (Phong Điền); Bình Điền (Hương Trà); Lộc Tiến, Lộc Vĩnh, Vinh Hiền, Vinh Hải, Vinh Giang (Phú Lộc); Phú Mỹ, Phú Hải, Phú Xuân, Vinh Phú (Phú Vang); Quảng Thành (Quảng Điền).

+ *Chất lượng cuộc sống*: Tất cả các xã đều có chợ nên thuận tiện cho việc buôn bán. Tỷ lệ hộ nghèo dao động từ 4,36% (xã Phú Mỹ) đến 23,96% (xã Quảng Thành). Số bác sĩ/1000 dân ít có sự chênh lệch, dao động từ 0,1 đến 0,48. Tất cả các xã đều có tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải.

+ *Cơ sở hạ tầng môi trường*: Tất cả các xã đều có hệ thống loa truyền thanh đến thôn (ấp, bản) nhưng hầu hết các xã và thôn đều không có hệ thống thoát nước thải chung (ngoại trừ ở 2 xã Phú Vinh và Phú Mỹ).

+ *Thông tin và truyền thông*: Chỉ có 3 xã đều có điểm bưu điện văn hóa là Điền Môn, Phong Xuân và Vinh Phú. Không có điểm bưu điện văn hóa xã được nối mạng Internet.

+ *Kinh tế và văn hóa*: 08/13 xã có 100% thôn (ấp, bản) được công nhận “làng văn hóa”. Tỷ lệ hộ/ cơ sở chuyên chế biến nông sản dao động từ 0,0 đến 2,4%, trong đó 01 xã không có cơ sở chế biến nông sản là Lộc Vĩnh.

- **Nhóm 3 có 9 xã**, bao gồm: Xã Phong Bình (Phong Điền); Lộc Bồn (Phú Lộc); Quảng An, Quảng Công, Quảng Thọ, Quảng Thái, Quảng Vinh (Quảng Điền); Thủy Thanh (Hương Thủy); Hương Giang (Nam Đông).

+ *Chất lượng cuộc sống*: Tất cả các xã đều có chợ nên thuận tiện cho việc buôn bán. Tỷ lệ hộ nghèo dao động từ 4,99% (xã Hương Giang) đến 18,66% (xã Quảng Thái). Số bác sĩ/1000 dân có sự chênh lệch giữa các xã, dao động từ 0,00 (xã Quảng

Thái) đến 0,81 (xã Hương Giang). Tất cả các xã đều có tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải.

+ *Cơ sở hạ tầng môi trường*: Đây là nhóm xã đều có hệ thống loa truyền thanh đến thôn (ấp, bản) nhưng tất cả các xã và thôn đều không có hệ thống thoát nước thải chung.

+ *Thông tin và truyền thông*: Hầu hết các xã đều có điểm bưu điện văn hóa vẫn còn 02/09 điểm bưu điện văn hóa xã chưa nối mạng Internet là Lộc Bồn và Quảng Vinh.

+ *Kinh tế và văn hóa*: Tỷ lệ thôn (ấp, bản) được công nhận “làng văn hóa” thấp hơn nhiều so với nhóm 1 và 2 (dao động từ 0 đến 87,5%), trong đó có 3/9 xã chưa có “làng văn hóa” là Quảng Thái, Quảng Công và Hương Giang. Tỷ lệ hộ/cơ sở chuyên chế biến nông sản dao động từ 0 đến 3,7%, trong đó 02 xã không có cơ sở chế biến nông sản là: Quảng Thọ và Hương Giang.

- **Nhóm 4 có 13 xã**, bao gồm: Xã Hương Toàn, Hương Vinh (Hương Trà); Lộc Trì, Vinh Hưng, Lộc Sơn, Lộc An, Lộc Điền, Vinh Mỹ (Phú Lộc); Phú Thượng, Phú Mậu (Phú Vang); Quảng Phú (Quảng Điền); Điền Lộc, Phong Hải (Phong Điền).

+ *Chất lượng cuộc sống*: Đây là nhóm xã đều có tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải; số bác sĩ/1.000 dân thấp (0,1 - 0,27). Hầu hết các xã đều có chợ ngoại trừ xã Lộc Trì không có chợ. Tỷ lệ hộ nghèo các xã phần lớn đều thấp hơn so với giá trị trung bình chung của Tỉnh.

+ *Cơ sở hạ tầng môi trường*: Trong nhóm này có một số xã chưa có hệ thống loa truyền thanh đến thôn (ấp, bản) như Điền Lộc, Phong Hải, Lộc Sơn và Lộc An. Tất cả các thôn ở 2 xã Lộc Sơn và Lộc An không có hệ thống thoát nước thải chung.

+ *Thông tin và truyền thông*: Hầu hết các xã đều có điểm bưu điện văn hóa vẫn còn 02/13 điểm bưu điện văn hóa xã chưa nối mạng Internet là Phong Hải và Lộc Điền.

+ *Kinh tế và văn hóa*: Tỷ lệ thôn (ấp, bản) được công nhận “làng văn hóa” ở hầu hết các xã đạt 100%, chỉ có xã Hương Vinh đạt 88,9%. Tỷ lệ hộ/cơ sở chuyên chế biến nông sản dao động từ 0,0 đến 7,4%, trong đó 01 xã không có cơ sở chế biến nông sản là Phong Hải.

- **Nhóm 5 có 27 xã**, bao gồm: Xã Hồng Thái, Bắc Sơn, Hương Lâm, Hồng Quảng, Hồng Trung, Hương Nguyên, Hồng Hạ, Hồng Kim, A Đót, Hồng Thủy, Hồng Vân, Hồng Tiến, Đông Sơn, Nhâm, A Rông, Hương Phong, Hồng Thượng, Hồng Bắc, A Ngo, Phú Vinh (A Lưới); Hương Hữu, Thượng Nhật, Thượng Quảng, Thượng Long, Hương Sơn, Thượng Lộ (Nam Đông); Dương Hòa (Hương Thủy).

+ *Chất lượng cuộc sống*: Đây là nhóm xã không có chợ trên địa bàn xã, không có tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải, tỷ lệ hộ nghèo cao. Số bác sĩ/1.000 dân có sự

Phân kiểu các xã nông thôn thừa thiên huế và giải pháp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ...

chênh lệch lớn giữa các xã (0,24 – 1,33). Những xã có tỷ lệ hộ nghèo rất cao là Bắc Sơn (44,44%), A Đốt (44,49%), Hồng Quảng (49,8%), Nhâm (54,09%), Hương Nguyên (61,22%), Hồng Thái (66,43%)...

+ *Cơ sở hạ tầng môi trường*: Cũng giống như nhóm 3, các xã trong nhóm này đều có hệ thống loa truyền thanh đến thôn (ấp, bản) nhưng tất cả các xã và thôn đều không có hệ thống thoát nước thải chung.

+ *Thông tin và truyền thông*: Hầu hết các xã đều có điểm bưu điện văn hóa vẫn còn 12/27 điểm bưu điện văn hóa xã chưa nối mạng Internet, đạt tỷ lệ cao nhất (44,47%).

+ *Kinh tế và văn hóa*: Vẫn còn nhiều thôn (ấp, bản) chưa được công nhận “làng văn hóa”. Tỷ lệ các nhiều thôn (ấp, bản) chưa được công nhận “làng văn hóa” còn thấp ở Hồng Vân (33,33%), Hồng Thượng (57,1%). Tỷ lệ hộ/cơ sở chuyên chế biến nông sản thấp, dao động từ 0,0 đến 2,2%, trong đó 09/27 xã không có cơ sở chế biến nông sản là Dương Hòa, Hồng Vân, Hồng Trung, Hương Phong, Hồng Thái, Hương Sơn, Thượng Quảng, Thượng Lộ, Thượng Long.

3.5. Giải pháp thúc đẩy sự phát triển KT - XH theo hướng CNH - HĐH

Để thuận tiện cho việc so sánh giữa các nhóm xã, các giải pháp được đề xuất cụ thể như ở bảng 3.

Bảng 3. Giải pháp thúc đẩy sự phát triển KT - XH theo hướng CNH - HĐH theo từng nhóm xã

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
<p>- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:</p> <p>+ Xây dựng thêm chợ nông thôn ở các xã chưa có chợ để tăng cường sự giao thương giữa các xã;</p> <p>+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải chung cho tất cả các xã.</p> <p>+ Kết nối Internet đến 18 xã vùng núi hoặc bãi ngang.</p> <p>- Thực hiện xóa đói giảm nghèo</p>	<p>- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:</p> <p>+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải chung cho tất cả các xã.</p> <p>+ Xây dựng các điểm bưu điện văn hóa xã có kết nối Internet</p> <p>- Động viên người dân tự thoát nghèo và hạn chế tái</p>	<p>- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:</p> <p>+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải chung cho tất cả các xã.</p> <p>+ Kết nối Internet ở điểm bưu điện văn hóa xã Lộc Bồn và Lộc Vĩnh</p>	<p>- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:</p> <p>+ Xây dựng hệ thống loa truyền thanh đến 4 xã Diên Lộc, Phong Hải, Lộc Sơn và Lộc An</p> <p>+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải chung cho 2 xã Lộc Sơn và Lộc An.</p> <p>+ Kết nối Internet ở điểm bưu điện văn hóa xã Phong Hải và Lộc Diên.</p>	<p>- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:</p> <p>+ Xây dựng hệ thống chợ nông thôn để thúc đẩy sự giao thương vì nhóm xã này không có chợ.</p> <p>+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải chung cho tất cả các xã.</p> <p>+ Kết nối Internet đến 12 xã chưa có Internet.</p> <p>- Đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo cho</p>

<p>cho các xã ở miền núi hoặc bãi ngang.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh lành mạnh và xây dựng nông thôn mới.</p> <p>- Tăng cường hoạt động chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm.</p> <p>- Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người dân thông qua động viên bác sĩ về làm việc ở Trạm y tế xã Điền Hương, Thủy Phú.</p>	<p>nghèo.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh lành mạnh và xây dựng nông thôn mới.</p> <p>- Tăng cường hoạt động chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm.</p>	<p>- Thúc đẩy phong trào xây dựng “Làng văn hóa” ở 3 xã Quảng Thái, Quảng Công và Hương Giang</p> <p>- Tăng cường hoạt động chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm.</p>	<p>- Tăng cường hoạt động chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm.</p>	<p>tất cả các xã vì đều là xã miền núi.</p> <p>- Đẩy mạnh công cuộc xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh và nông thôn mới.</p> <p>- Tăng cường hoạt động chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm.</p>
---	--	---	---	--

3. KẾT LUẬN

Xây dựng nông thôn theo hướng CNH - HĐH là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Nghiên cứu này đã phân tích được đặc điểm KT - XH của khu vực nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua phân kiểu các xã nông thôn Thừa Thiên Huế năm 2016 theo 26 chỉ tiêu KT - XH và môi trường thành 5 nhóm với những đặc trưng riêng. Từ các nhóm xã có sự tương đồng về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, hạ tầng cơ sở, các giải pháp phù hợp với từng nhóm xã đã được đề xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển khu vực nông thôn theo hướng CNH - HĐH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (2015). *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011 - 2015*, ký ngày 15 tháng 12 năm 2015, Thừa Thiên Huế.

Phân kiểu các xã nông thôn Thừa Thiên Huế và giải pháp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ...

- [2]. Ban Chi đạo Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế (2017). *Báo cáo tổng kết tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 tỉnh Thừa Thiên Huế*, Thừa Thiên Huế.
- [3]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2005). *Phân kiểu kinh tế - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện Việt Nam*, NXB. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
- [4]. Copus A. et al. (2008). *Approaches to rural typology in the European Union*, Scientific and Technical Report, European Communities, ISSN 1018-5593, Luxembourg.
- [5]. Nagy O. (2009). The Rural Space: Typology and Classification, *Studia Universitatis – Seria Ştiinţe Inginereşti şi Agro-Turism*, No. 4/2009, pp. 142 - 154.
- [6]. Kumar, S. (2011). Rural Development through Rural Industrialization: Exploring the Chinese Experience [Online],
Website: <http://www.asianscholarship.org/asf/ejournal/articles/Sanjeev%20Kumar2.pdf>.

A TYPOLOGY OF RURAL COMMUNES IN THUA THIEN HUE PROVINCE AND SOLUTIONS TO PROMOTE SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT TOWARDS INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION

Bui Thi Thu*, Do Thi Viet Huong, Hoang Duc Nhat Anh

Faculty of Geography and Geology, University of Sciences, Hue University

*Email: lapthuhue@gmail.com

ABSTRACT

Thua Thien Hue rural communes have unequal level of socio - economic development due to their scattering asynchronous investment and do not promote the local strengths. This paper therefore attempts to approach typology technique based on factor analysis and cluster analysis (ward method) with 26 variables related to socio - economic features following industrialization and modernization of rural agriculture. The findings have categorized 105 communes in Thua Thien Hue province into 5 groups. The results of this study suggest the solutions to promote socio-economic development suitable to each group of communes.

Keywords: typology, factor analysis, cluster analysis, rural area, Thua Thien Hue.



Bùi Thị Thu sinh ngày 28/3/1970 tại TP. Huế. Năm 1993, bà tốt nghiệp cử nhân ngành Địa lý tại Trường Đại học Tổng hợp Huế. Năm 2002, bà nhận học vị Thạc sĩ chuyên ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, bà nhận học vị Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ năm 1993 đến nay, bà công tác tại Trường Đại học Tổng hợp, nay là Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tài nguyên du lịch, tài nguyên đất, kinh tế tài nguyên và một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông thôn.



Đỗ Thị Việt Hương sinh ngày 19/08/1982 tại TP. Huế. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Địa lý năm 2004 và nhận học vị Thạc sĩ chuyên ngành Địa lý tự nhiên năm 2008 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, bà nhận học vị Tiến sĩ chuyên ngành Khoa học nông nghiệp - Cảnh quan sinh thái và GIS tại Trường Đại học Tottori, Nhật Bản. Từ năm 2004 đến nay, bà công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ứng dụng GIS và viễn thám trong nghiên cứu biến động sử dụng đất và lớp phủ đất đô thị, đô thị hóa, không gian xanh, biến đổi không gian đô thị; Đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu đối với thiên tai cho cộng đồng dân cư; Phân kiểu đặc điểm kinh tế-xã hội theo thống kê đa chỉ tiêu.



Hoàng Đức Nhật Anh sinh ngày 26/3/1992 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2014, ông tốt nghiệp cử nhân tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2014 đến nay ông là Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện ông đang là học viên cao học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Địa lý Tài nguyên và Môi trường

